

※ 번역문은 민원 신청을 위한 참고용이며, 기존의 한글 서식에 한글로 작성하여 제출해야 함을 유의해주시기 바랍니다.
※ Lưu ý bản dịch chỉ mang tính chất tham khảo khi đăng ký các vụ việc dân sự; đơn phải được điền bằng tiếng Hàn theo mẫu tiếng Hàn hiện có.

- 건설기계관리법 시행규칙 [별지 제16호의2서식] <개정 2023. 5. 8.>
■ Thông tư hướng dẫn Luật Quản lý thiết bị xây dựng [Mẫu đính kèm số 16-2] <Sửa đổi 2023. 5. 8.

건설기계등록원부 [] 등본 [] 발급
SỔ ĐĂNG KÝ [] Bản sao [] Cấp mới
THIẾT BỊ XÂY [] 초본 [] 열람
DỰNG [] Trích lục [] Xem

신청서
ĐƠN
ĐĂNG KÝ

※ 아래의 작성방법을 읽고 작성하시기 바라며, []에는 해당되는 곳에 √ 표를 합니다.
※ Vui lòng đọc cách điền đơn ở bên dưới trước khi điền và đánh dấu √ vào [] tương ứng.

접수번호 Số tiếp nhận	접수일자 Ngày tiếp nhận	처리기간 Thời gian xử lý	즉시 Ngày lập tức
신청인 Người đăng ký	성명 Họ tên	생년월일 Năm, tháng, ngày sinh	
	주소		
	Địa chỉ		
		(전화번호:) (Số điện thoại:)	
건설기계 Thiết bị xây dựng	등록번호(또는 차대번호) Số đăng ký (hoặc số khung)		
건설기계 소유자 Người sở hữu thiết bị xây dựng	성명(명칭) Họ tên (tên gọi)	주민등록번호(사업자 또는 외국인 등록번호) Số chứng minh thư Hàn (số đăng ký kinh doanh hoặc số đăng ký người nước ngoài)	
	주소		
	Địa chỉ		
		(전화번호:) (Số điện thoại:)	
신청 내용 Nội dung đăng ký	발급 Cấp mới		
	()부		
	()bộ		
	열람 Xem		
	()부		
	()bộ		
용도 Mục đích sử dụng			

「건설기계관리법」 제7조제2항 및 같은 법 시행규칙 제11조제2항에 따라 건설기계등록원부
Tôi xin đăng ký như trên theo khoản 2 Điều 7 “Luật Quản lý thiết bị xây dựng” và khoản 2 Điều 11 Thông tư hướng dẫn Luật này.
[] 등본 [] 발급
[] Bản sao [] Cấp mới 을 신청합니다.
[] 초본 [] 열람 Tôi đăng ký
[] Trích lục [] Xem

년 월 일
Năm tháng ngày
(서명 또는 인)
(Kí tên hoặc đóng dấu)

신청인
Người đăng ký

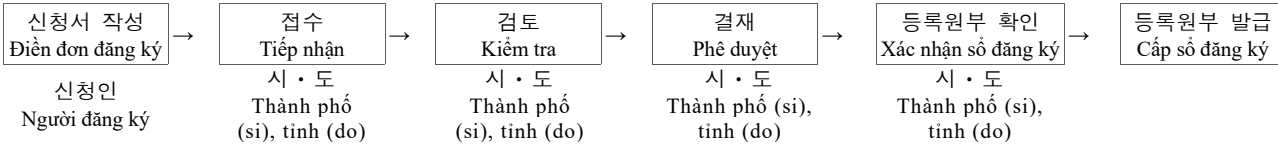
시·도지사 귀하
Kính gửi Chủ tịch thành phố (si), tỉnh (do)

첨부서류 Hồ sơ đính kèm	없음 Không có	수수료 - 열람: 1건당 100원 (전자민원창구를 통하여 신청하는 경우에는 무료입니다) - 발급: 1건당 500원 (전자민원창구를 통하여 신청하는 경우에는 무료입니다) Lệ phí - Xem: 100 won / 1 lượt (Miễn phí nếu đăng ký qua cổng dịch vụ dân sự điện tử) - Cấp mới 500 won / 1 lượt (Miễn phí nếu đăng ký qua cổng dịch vụ dân sự điện tử)
------------------------	----------------	--

작성방법
Cách điền đơn

- 건설기계등록원부 등본(초본)은 신청서의 내용을 모두 적어야 발급됩니다. 다만, 건설기계소유자의 주민등록번호 또는 주소는 적지 않아도 되며, 신청인이 건설기계 소유자의 주민등록번호 또는 주소를 적지 않은 경우에는 건설기계등록원부 등본(초본) 발급 시 건설기계소유자의 개인정보를 보호하기 위하여 건설기계소유자의 주민등록번호 뒷자리의 6자리 또는 주소를 표기하지 않습니다.
- Bản sao (trích lục) sổ đăng ký thiết bị xây dựng chỉ được cấp sau khi điền đầy đủ nội dung trong đơn đăng ký. Tuy nhiên, không cần điền số chứng minh thư Hàn hoặc địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị xây dựng. Nếu người đăng ký không điền số chứng minh thư Hàn hoặc địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị xây dựng thì 6 chữ số cuối của số chứng minh thư Hàn hoặc địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị xây dựng sẽ không được hiển thị để bảo mật thông tin cá nhân của chủ sở hữu thiết bị xây dựng khi cấp bản sao (trích lục) sổ đăng ký thiết bị xây dựng.
- 건설기계등록원부 신청서의 내용을 모두 적어야 열람할 수 있습니다. 다만, 건설기계소유자의 주민등록번호 또는 주소를 적지 않을 수 있으며, 신청인이 건설기계소유자의 주민등록번호 또는 주소를 적지 않은 경우에는 건설기계등록원부 열람 시 건설기계소유자의 개인정보를 보호하기 위하여 건설기계소유자의 주민등록번호 뒷자리의 6자리 또는 주소를 표기하지 않습니다.
- Phải điền đầy đủ nội dung trong đơn đăng ký thiết bị xây dựng mới có thể xem được. Tuy nhiên, có thể không điền số chứng minh thư Hàn hoặc địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị xây dựng. Nếu người đăng ký không điền số chứng minh thư Hàn hoặc địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị xây dựng thì 6 chữ số cuối của số chứng minh thư Hàn hoặc địa chỉ của chủ sở hữu thiết bị xây dựng sẽ không được hiển thị để bảo mật thông tin cá nhân của chủ sở hữu thiết bị xây dựng khi xem sổ đăng ký thiết bị xây dựng.
- 건설기계등록원부에 기재된 저당권자 또는 압류채권자가 신청하는 경우에는 건설기계 변경 전 등록번호 및 소유자(저당권 또는 압류 설정 시의 소유자)의 인적사항을 적을 수 있습니다.
- Trường hợp bên cho vay thế chấp hoặc chủ nợ có quyền tịch thu có tên trong sổ đăng ký thiết bị xây dựng đăng ký thì có thể điền số đăng ký trước khi thay đổi thiết bị xây dựng và thông tin cá nhân của chủ sở hữu (chủ sở hữu tại thời điểm thế chấp hoặc tịch thu).

처리 절차
Quy trình xử lý



210mm×297mm[백상지(80g/㎡) 또는 중질지(80g/㎡)]